

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27 /2018/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 12 năm 2018 và thay thế Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 818/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy chế thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với người lao động trực tiếp ở cơ sở thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan Trung ương đóng tại tỉnh, các Doanh nghiệp trong Khôi thi đua, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Hand*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban TĐKT TW (HN, TP.HCM);
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các Đoàn thể;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Sóc Trăng;
- HTĐT: phongkiemtravanban2012@gmail.com
- Lưu: QT, TH, KT, VX, XD, NV, NC, HC. *Hand* (138b)



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27 /2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Đối tượng áp dụng, nguyên tắc khen thưởng, trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tiêu chuẩn và tỉ lệ xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng; thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng; nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng; sử dụng, quản lý quỹ thi đua, khen thưởng và mức tiền thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công dân Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị Lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam, có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh Sóc Trăng được xét khen thưởng theo quy định này và các văn bản có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc khen thưởng

Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo quy định Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP). Ngoài ra còn phải đảm bảo các nội dung như sau:

1. Việc xét khen thưởng phải trên cơ sở đánh giá đúng hiệu quả công tác của các tập thể và cá nhân, kết hợp với việc phân loại đánh giá cán bộ, công chức, viên chức khi tổng kết năm theo quy định Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức; thành tích ở mức nào khen thưởng ở mức đó; chú trọng khen thưởng cho các cá nhân, đơn vị trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ khó khăn nhưng năng động, sáng tạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; quan tâm khen thưởng cho tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao

động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu; cơ quan có thẩm quyền trực tiếp quản lý tập thể nhỏ, cá nhân cần xem xét quyết định khen thưởng kịp thời.

2. Trong một năm, không trình khen thưởng cấp tỉnh từ hai chuyên đề cho cùng một tập thể (Cờ, Bằng khen) hoặc cá nhân (Bằng khen).

3. Khi bình xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành, địa phương đến cấp tỉnh phải tiến hành bỏ phiếu kín, kết quả đạt từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản) mới lập thủ tục, hồ sơ đề nghị lên cấp trên xét khen thưởng. Các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác, kết quả bỏ phiếu phải đạt từ 80% trở lên.

Điều 4. Những trường hợp chưa xem xét và không xét khen thưởng

1. Trường hợp chưa xem xét khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 2 Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BNV).

2. Những trường hợp không xét khen thưởng

- a) Công chức, viên chức, người lao động mới tuyển dụng dưới 10 tháng;
- b) Cơ quan, đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ 01 năm (12 tháng);
- c) Những tập thể, cá nhân bị xử phạt hành chính, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;
- d) Đơn vị, địa phương có lãnh đạo chủ chốt (Bí thư Chi bộ, Đảng bộ; Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng) bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì không xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho tập thể đơn vị nhưng tập thể trực thuộc vẫn được tham gia xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.
- e) Không xét tặng Bằng khen đối với các trường hợp không thuộc quy định tại Điều 14 của quy định này.

Điều 5. Xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với những trường hợp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, chuyển công tác, điều động, biệt phái, nghỉ thai sản

1. Các trường hợp đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên có kết quả học tập từ loại khá trở lên (có giấy xác nhận) thì năm đó được xếp danh hiệu “Lao động tiên tiến”, để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác.

2. Đối với cá nhân được điều động, chuyển công tác, cơ quan, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được biệt phái đến đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do đơn vị biệt phái xem xét quyết định và được đơn vị tiếp nhận cá nhân được biệt phái xác nhận.

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 6. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trên địa bàn tỉnh. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo và chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị cùng cấp tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong ngành, địa phương mình quản lý.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm tư vấn giúp thủ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức phát động và chỉ đạo phong trào thi đua, thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm như sau:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn dưới Luật có liên quan.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; phát hiện phổ biến các trường hợp gương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II

TIÊU CHUẨN VÀ TỈ LỆ XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 7. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

Thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được xét tặng cho các cá nhân đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc, lựa chọn trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

b) Có sáng kiến có mức độ ảnh hưởng đối với toàn ngành hoặc toàn tỉnh.

2. Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BNV.

Điều 10. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”

Các danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được thực hiện theo quy định tại các Điều 27 và Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng. Cụ thể, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” được xét tặng cho các đơn vị sau đây:

1. Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, Hợp tác xã ... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như: xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

2. Đối với cấp tỉnh gồm: các phòng, ban và tương đương trực thuộc sở, ban ngành, đoàn thể, cơ quan cấp tỉnh và tương đương.

3. Đối với cơ quan cấp huyện gồm: các phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Công an xã (không chính quy); Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn.

Điều 11. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phạm vi xét tặng: Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng hàng năm cho các đơn vị dẫn đầu cụm hoặc khối thi đua các ngành, các địa phương.

2. Tiêu chuẩn xét tặng: Việc xét tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh được thực hiện trên cơ sở tổng kết phong trào thi đua hàng năm của các cụm, khối thi đua, có ký kết giao ước thi đua, có xây dựng quy chế hoạt động bình xét, chấm điểm thi đua, để chọn ra đơn vị dẫn đầu cụm, khối thi đua. Các đơn vị được suy tôn đề nghị tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Việc phân chia cụm, khối thi đua thuộc tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và phân bổ số lượng cờ thi đua cho các cụm, khối thi đua phải đảm bảo hợp lý, thống nhất và tương quan, hài hòa giữa các ngành, các địa phương, đơn vị. Số lượng cụm, khối thi đua và bình xét thi đua cụm, khối thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

4. Đối với phong trào Toàn dân bảo vệ An ninh tổ quốc, mỗi năm xét tặng 03 Cờ thi đua cho 03 Khối (trong đó khối xã 01 Cờ; phường, thị trấn 01 Cờ và Khối doanh nghiệp cơ sở 01 Cờ).

Điều 12. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, Ấp, Tổ dân phố văn hóa, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; thị trấn, phường đạt chuẩn văn minh đô thị

Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, Ấp, Tổ dân phố văn hóa, xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; thị trấn, phường đạt chuẩn văn minh đô thị được xét tặng cho các hộ gia đình, các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, tổ dân phố đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng và theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 13. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt, có thành tích cao trong các đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề; khen thưởng cho các tập thể, cá nhân ngoài địa phương, đơn vị có nhiều đóng góp cho địa phương, đơn vị; các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định theo quy định tại Khoản 1 Điều 74 và Điều 76 Luật Thi đua, khen thưởng, Khoản 41 và Khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Khoản 3, Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với nông dân sản xuất kinh doanh giỏi

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội Nông dân cùng cấp ở mỗi địa phương chọn nông dân tiêu biểu xuất sắc hàng năm để tặng Giấy khen.

3. Giấy khen để tặng cho gia đình

Giấy khen tặng cho gia đình thực hiện theo Khoản 2, Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ vào tình hình thực tế quy định mức đóng góp của gia đình để khen thưởng cho phù hợp.

Điều 14. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng thành tích đột xuất: Thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận, gồm các trường hợp sau:

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất mưu trí, dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt.

b) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích rõ ràng trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn và các giải thể thao cấp quốc tế, quốc gia (khu vực, vùng, miền) với giải Nhất, Nhì, Ba và giải Nhất trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh.

c) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tổ chức, cá nhân có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản; đóng góp trong công tác xã hội, từ thiện tại tỉnh Sóc Trăng có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

d) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng thưởng cho cá nhân, tổ chức ngoài tỉnh và nước ngoài có công lao đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội của tỉnh.

2. Khen thưởng theo đợt (chuyên đề): Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian, mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp. Việc khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân tham gia thi đua theo đợt (chuyên đề) chủ yếu do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì phát động thi đua, theo dõi và trực tiếp quyết định khen thưởng theo kế hoạch và thẩm quyền. Đối với các phong trào thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên, phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh và có đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng, đơn vị phải đăng ký và gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) ngay thời điểm bắt đầu thực hiện về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ) để tổng hợp và xin ý kiến Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ khen thưởng cho các tập thể và cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động và các phong trào thi đua đã được Ủy ban nhân dân thống nhất trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh khi tiến hành tổng kết phong trào thi đua theo Kế hoạch.

Trong cùng một thành tích, nếu đã đề nghị khen thưởng cho các tập thể thì không đề nghị khen thưởng các đơn vị trực thuộc của tập thể đó và ngược lại.

3. Khen thưởng theo công trạng

a) Đối với cá nhân: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Đối với tập thể: Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

và có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

4. Khen thưởng cho học sinh đạt kết quả xuất sắc và giáo viên trực tiếp hướng dẫn

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho các học sinh đạt kết quả xuất sắc như sau:

Học sinh giỏi toàn cấp Trung học cơ sở hoặc Trung học phổ thông: Kết thúc năm học, mỗi trường chọn 01 học sinh tiêu biểu xuất sắc nhất cả cấp học đề nghị khen thưởng; riêng trường Trung học phổ thông Chuyên chọn 03 học sinh.

Học sinh đạt giải Nhất ở kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh cấp Trung học cơ sở hoặc cấp Trung học phổ thông, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh dành cho học sinh hàng năm được tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích ở các kỳ thi quốc tế, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh hàng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Học sinh thi đỗ lần đầu trong kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia và đỗ vào Đại học đạt điểm bình quân từ 8,0 điểm trở lên cho một môn thi (không tính hệ số), trong đó không có môn nào đạt dưới 7 điểm.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho giáo viên trực tiếp hướng dẫn các học sinh đạt giải Nhất ở kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh cấp Trung học cơ sở hoặc cấp Trung học phổ thông, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh dành cho học sinh; không quá 02 giáo viên trực tiếp hướng dẫn các học sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích ở kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, các kỳ thi quốc tế.

5. Khen thưởng công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp ở cơ sở

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp ở cơ sở gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Cá nhân là các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội của đơn vị hoặc địa phương.

- Có thành tích xuất sắc trong thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động tại đơn vị, ngành, địa phương hoặc trong lao động, sản xuất.

- Có mô hình sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao và ổn định từ 02 năm trở lên.

- Có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản; đóng góp trong công tác xã hội, từ thiện tại địa phương.

- Có nhiều sáng kiến tiêu biểu áp dụng đạt hiệu quả trong phạm vi xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và được cấp có thẩm quyền công nhận.

b) Hàng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh xem xét bình chọn các cá nhân là công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp ở cơ sở có thành tích tiêu biểu xuất sắc tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình để đề nghị xem xét khen thưởng.

6. Đối với các đơn vị tham gia trong cụm, khối thi đua: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét tặng Bằng khen đối với các tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhưng không được bình chọn đề nghị tặng Cờ thi đua. Số lượng và tiêu chuẩn khen thưởng thực hiện theo quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 15. Tỷ lệ xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”: Không quá 50% tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào thực tế phong trào thi đua, kết quả hoàn thành nhiệm vụ, số lượng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và chất lượng những đề tài, sáng kiến của các cá nhân được ứng dụng thật sự mang lại hiệu quả cao cho đơn vị để xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” nhưng tối đa không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” có trong cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”: Không quá 50% số cá nhân đủ điều kiện đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”.

d) Khi tính tỷ lệ danh hiệu thi đua, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một).

2. Hình thức khen thưởng

a) Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Đối với cá nhân: Không quá 50% số cá nhân đủ điều kiện đề nghị tặng Bằng khen;

Đối với tập thể: Không quá 50% số tập thể đủ điều kiện đề nghị tặng Bằng khen.

b) Khi tính tỷ lệ hình thức khen thưởng, nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một); Trường hợp cơ quan, đơn vị chỉ có 01 tập thể thì không tính tỷ lệ.

Chương III

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG;

THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ THỜI GIAN GỬI HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 16. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thực hiện theo Điều 77, 78, 80, 81 Luật Thi đua, khen thưởng; Khoản 45 và Khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013; Khoản 2, Điều 43 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Điều 7 Thông tư số 08/2017/TT-BNV và các quy định dưới đây:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thẩm quyền quyết định tặng thưởng Bằng khen, Cờ thi đua, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương có thẩm quyền quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có thẩm quyền quyết định tặng Giấy khen; công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”; “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; danh hiệu Ấp, Tổ dân phố văn hóa; xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; thị trấn, phường đạt chuẩn văn minh đô thị.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có thẩm quyền quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến” đối với tập thể, cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quyền quản lý của xã, phường, thị trấn và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và tặng Giấy khen đối với các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

Điều 17. Tuyển trình khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Đối với khen thưởng đại biểu Quốc hội chuyên trách, Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định như sau:

a) Đại biểu Quốc hội chuyên trách do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể Hội đồng nhân dân tỉnh do Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể Hội đồng nhân dân huyện, thị xã, thành phố do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

d) Đại biểu và tập thể Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn do Thường trực Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn tổng hợp hồ sơ, thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Đối với những đơn vị có nhiều đóng góp cho ngân sách nhà nước trình các hình thức khen thưởng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trở lên, Sở Nội vụ có trách nhiệm lấy ý kiến Cục Thuế tỉnh xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

4. Đối với những đơn vị thuộc Trung ương đang hoạt động trên địa bàn tỉnh chỉ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đột xuất và các chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, không trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng theo công trạng (khen thưởng tổng kết năm) và danh hiệu thi đua; việc trình khen các hình thức khen thưởng cao hơn thực hiện theo quy định.

Điều 18. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Đối với các tập thể hoặc cá nhân trình các hình thức khen thưởng cấp nhà nước: Thực hiện theo quy định phân cấp hiện hành của Tỉnh ủy.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định hồ sơ khen thưởng từ Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ):

a) Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” và Bảng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các trường hợp Bộ, ngành Trung ương đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hiệp ý để trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

c) Hiệp ý các trường hợp sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đề nghị Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

d) Xin ý kiến Ban Tổ chức Tỉnh ủy đối với cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hoặc những cá nhân còn chưa rõ quá trình công tác trước khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng Huân chương về thành tích công hiến.

e) Xin ý kiến của cơ quan Ngoại vụ đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng có yếu tố nước ngoài.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương về công tác thi đua, khen thưởng và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật. Căn cứ tình hình thực tế, thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quy định số lượng thành viên Hội đồng; trong đó thủ trưởng cơ quan, đơn vị là Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng gồm một trong số các đại diện và lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tổ chức công đoàn; các thành viên gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, đơn vị.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Lãnh đạo các doanh nghiệp quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 19. Quản lý lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của các tập thể, cá nhân thuộc đơn vị, địa phương mình để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo hoặc xác nhận khen thưởng khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định Luật Lưu trữ và quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 20. Quy định chung về thủ tục và hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Thủ tục và hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Trường hợp các tập thể, cá nhân được phát hiện có thành tích đột xuất, tiêu biểu xuất sắc được đề nghị khen thưởng thì thủ tục, hồ sơ thực hiện theo thủ tục đơn giản quy định tại Điều 55 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Đối với những cơ quan, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng cơ quan, đơn vị, trong hồ sơ khen thưởng phải có văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

4. Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán theo quy định, hồ sơ đề nghị khen thưởng phải có báo cáo kết quả kiểm toán từ 05 năm trở lên của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trước thời điểm đề nghị khen thưởng theo quy định. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu rõ căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

5. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về hồ sơ, thủ tục, tính chính xác của thành tích và các nội dung liên quan đến thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

6. Báo cáo thành tích được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức khen thưởng. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo các mẫu qui định tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đã được áp dụng phải được thể hiện cụ thể trong báo cáo thành tích. Lãnh đạo cơ quan, đơn vị khi đề nghị khen thưởng, phải đánh giá, công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, phạm vi ảnh hưởng về thành tích của tập thể và cá nhân được khen thưởng và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 21. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đối với khen thưởng theo công trạng (khen thưởng tổng kết năm) thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Sở Nội vụ

chậm nhất ngày 31/01 năm sau; riêng ngành Giáo dục và đào tạo gửi chậm nhất ngày 30/7 hàng năm.

2. Đối với khen thưởng theo đợt (chuyên đề): Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Sở Nội vụ trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 05 ngày làm việc.

3. Đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: Hồ sơ gửi về Sở Nội vụ theo 02 đợt:

a) Đợt 1: Trình hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng (đối với các tập thể, cá nhân thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương) và “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, hồ sơ gửi về Sở Nội vụ chậm nhất ngày 28/02 hàng năm.

b) Đợt 2: Trình hồ sơ khen thưởng của ngành Giáo dục và đào tạo, hồ sơ gửi về Sở Nội vụ chậm nhất ngày 30/6 hàng năm.

4. Đối với khen thưởng quá trình cống hiến: Các cơ quan, đơn vị xét và gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn về Sở Nội vụ trước khi nghỉ chế độ 06 tháng.

5. Đối với khen thưởng theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đột xuất, đặc thù khác, không quy định thời gian gửi hồ sơ; tuy nhiên phải đảm bảo hồ sơ được lập kịp thời để trình khen thưởng.

Điều 22. Nghi lễ tổ chức trao tặng và đón nhận các phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước

Thực hiện theo Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài.

Chương IV

NGUỒN VÀ MỨC TRÍCH QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; SỬ DỤNG, QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ MỨC TIỀN THƯỞNG

Điều 23. Nguồn và mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 24. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 25. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Sở Nội vụ quản lý; Quỹ thi đua, khen thưởng của các ngành, đơn vị do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.

2. Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua hoặc các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cấp nào có thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua hoặc quyết định khen thưởng (trừ khen thưởng cấp Nhà nước) thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng do cấp mình quản lý. Riêng tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do Sở Nội vụ chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

3. Đối với các doanh nghiệp: Căn cứ nguồn Quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị, doanh nghiệp ban hành quy định riêng về mức thưởng kèm theo danh hiệu thi đua và các hình thức khen, nhưng không thấp hơn mức thưởng quy định tại các Điều 69, 73, 74, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua hoặc các hình thức khen thưởng cho các tập thể và các cá nhân thuộc các doanh nghiệp sẽ được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp, trừ hình thức khen thưởng đột xuất và khen cấp nhà nước.

4. Khen thưởng các chuyên đề (theo đợt), các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn, do đơn vị chủ trì dự toán nguồn kinh phí hoạt động riêng (nếu có nguồn kinh phí ngoài ngân sách); nếu sử dụng nguồn ngân sách của tỉnh để chi khen thưởng thì đều phải chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh, không cấp kinh phí khen thưởng riêng.

5. Đối với các nhà từ thiện, tổ chức, cá nhân đóng góp hỗ trợ cho tỉnh được tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì có thể thay thế tiền thưởng bằng tặng phẩm lưu niệm có giá trị bằng mức tiền thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; trường hợp đặc biệt, tặng phẩm lưu niệm có giá trị cao hơn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

6. Đối với các tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có thể xem xét quyết định việc chi mức tiền thưởng kèm theo từng trường hợp cụ thể.

7. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một tập thể hoặc cá nhân được khen thưởng, nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

8. Trong cùng một thời điểm, một tập thể hoặc cá nhân đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

9. Trong cùng một thời điểm, một tập thể hoặc cá nhân vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

Điều 26. Cách tính tiền thưởng và mức tiền thưởng

1. Cách tính tiền thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 68 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73, 74 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Quy định này để xây dựng Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

Điều 28. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Chuyện